

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-
BLĐTBXH-BTC-BGDĐT hướng dẫn chế độ quản lý tài chính và thực hiện
Dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam”
sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới**

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số 5354- VN ký ngày 24 tháng 4 năm 2014 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Hiệp hội phát triển quốc tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng, Giám đốc Ban quản lý dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam”;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chế độ quản lý tài chính và thực hiện Dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chế độ quản lý tài chính và thực hiện Dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới

1. Bổ sung Khoản 10, Điều 2 như sau:

“10. Người nhận tiền: là người đại diện hợp pháp cho hộ gia đình để nhận gói trợ giúp xã hội hợp nhất, gồm các đối tượng sau: (a) Người đại diện cho hộ gia đình đăng ký nhận tiền; (b) Người được người đại diện cho hộ gia đình đăng ký nhận tiền ủy quyền; (c) Người có tên trong danh sách nhận thay cho hộ gia đình được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, nhưng không phải là cán bộ, nhân viên của cơ quan chi trả.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 5, Khoản 9 và Khoản 10 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi Điểm b Khoản 5 như sau:

“b) Lập, tổng hợp kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính của Dự án và báo cáo tình hình hoạt động của Dự án tại tỉnh, định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động, giải ngân của Dự án tại tỉnh cho Ban Quản lý Dự án trung ương và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định cụ thể trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Dự án tỉnh;”

b) Sửa đổi Khoản 9 như sau:

“9. Bưu điện tỉnh, Bưu điện huyện: có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 15 của Thông tư này. Bưu điện huyện thực hiện chi trả đúng đối tượng theo danh sách của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện; hàng quý, cuối năm ngân sách quyết toán số đối tượng đã nhận và số chưa nhận hưởng trợ cấp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện. Trường hợp xảy ra mất tiền trong quá trình tổ chức thực hiện chi trả, chi trả không đúng đối tượng hưởng, không đúng số tiền theo danh sách chi trả, Bưu điện huyện có trách nhiệm thu hồi, bồi hoàn cho đối tượng hưởng hoặc cho cơ quan đã ký hợp đồng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.”

c) Sửa đổi Điểm b Khoản 10 như sau:

“b) Lập danh sách chi trả hàng tháng theo mức hỗ trợ quy định; thực hiện rút dự toán ngân sách cho gói trợ giúp xã hội nằm trong dự toán giao; cuối năm ngân sách, nộp trả ngân sách số tiền chưa chi trả cho đối tượng hưởng. Thực hiện

chuyển tiền và cung cấp danh sách chi trả hàng tháng cho Bưu điện huyện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 15 của Thông tư này.”

d) Bổ sung Điểm c sau Điểm b Khoản 10 như sau:

“c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách cộng tác viên thôn, bản. Quản lý các hoạt động của cộng tác viên thôn, bản theo Quy trình quản lý, báo cáo của mạng lưới cộng tác viên thôn, bản Dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” được ban hành tại Quyết định số 76/QĐ-BQLDA ngày 22/6/2016 của Vụ trưởng, Giám đốc Ban quản lý dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” và kế hoạch hoạt động của cộng tác viên thôn, bản được Ban Quản lý Dự án trung ương phê duyệt. Hàng tháng, lập và chuyển danh sách cộng tác viên thôn, bản cho Bưu điện chi trả, chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi hồ sơ thanh toán cho cộng tác viên thôn, bản (bản sao) do Bưu điện chuyển sang.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký tham gia: Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia Dự án (Phụ lục kèm theo) và các giấy tờ theo từng đối tượng như sau:

- Đối với phụ nữ mang thai: Giấy khám thai hoặc Phiếu siêu âm (trong đó ghi rõ họ và tên, năm sinh, địa chỉ của người mang thai, tuổi thai nhi, thời điểm dự kiến sinh) có xác nhận của cơ sở y tế;

- Đối với trẻ em từ 0 tuổi đến dưới 03 tuổi: Bản sao giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh của trẻ em hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (đối với các xã đặc biệt khó khăn) về ngày tháng năm sinh của trẻ em vào đơn đăng ký tham gia Dự án;

- Đối với trẻ em từ 03 tuổi đến 15 tuổi: Bản sao giấy khai sinh của trẻ em hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (đối với các xã đặc biệt khó khăn) về ngày tháng năm sinh của trẻ em và xác nhận về việc trẻ em hiện không đi học của Ủy ban nhân dân xã vào Đơn đăng ký tham gia Dự án.”

4. Sửa đổi Khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Tổ chức chi trả gói trợ giúp xã hội hợp nhất qua cơ quan Bưu điện:

a) Tổ chức ký hợp đồng về việc chi trả gói trợ giúp xã hội hợp nhất cho các hộ gia đình với cơ quan Bưu điện: